

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 25

Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta đang nghe đến kinh văn số 25:

“Phục thứ Long Vương, nhược ly tà kiến, tức đắc thành tựu thập công đức pháp. Hà đẳng vi thập?

- **Nhất, đắc chân thiện ý lạc, chân thiện đẳng lữ.**
- **Nhị, thâm tín nhân quả, ninh vẫn thân mạng, chung bất tác ác.**
- **Tam, duy quy y Phật, phi dư thiên đẳng.**
- **Tứ, trực tâm chánh kiến, vĩnh ly nhất thiết, kiết hung nghi vãng.**
- **Ngũ, thường sanh nhân thiên, bất canh ác đạo.**
- **Lục, vô lượng phước tuệ, chuyển chuyển tăng thắng.**
- **Thất, vĩnh ly tà đạo, hành ư thánh đạo.**
- **Bát, bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp.**
- **Cửu, trụ vô ngại kiến.**
- **Thập, bất đạo chư nạn.**

Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông”.

[Nghĩa là: Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa tà kiến, liền thành tựu được mười pháp công đức. Những gì là mười?

Một là, được ý vui chân thiện và bạn bè chân thiện.
Hai là, thâm tín nhân quả, thà bỏ thân mệnh trọn không làm ác.
Ba là, chỉ quy y Phật, không quy y các Thiên thần.
Bốn là, lòng ngay, thấy chính, lìa hẳn hết thấy lưới ngò: tốt, xấu.
Năm là, thường sinh trong cõi Nhân, Thiên, không sa đường ác.
Sáu là, vô lượng phúc tuệ, dần dần thêm hơn.
Bảy là, lìa hẳn tà đạo, tu hành Thánh đạo.
Tám là, không khởi thân kiến, bỏ mọi nghiệp ác.
Chín là, trụ vào kiến giải vô ngại.
Mười là, không sa vào những nạn xử.

Ấy là mười pháp. Nếu đem mười pháp ấy hồi hướng đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sau khi thành Phật, mau chứng hết thấy pháp của Phật, thành tựu thần thông tự tại.]

(Chúng ta cũng đang nghe HT giảng pháp công đức thứ 8, đó là “không khởi thân kiến, bỏ mọi nghiệp ác”, cũng đã nghe xong ý thứ nhất là, không khởi thân kiến. Bây giờ chúng ta sẽ nghe HT giảng tiếp ý thứ 2, “xả chư ác nghiệp” (Nghĩa là: “bỏ các ác nghiệp”).

Thế nào gọi là “mê mất tự tánh”? Không biết chân tướng sự thật, không thấu hiểu rằng tất cả chúng sanh trong hư không pháp giới với bản thân mình là một thể, thì gọi là “mê mất tự tánh”. U mê đánh mất tự tánh rồi liền sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, gọi chung là “thức”. Cho nên mười pháp giới, vô lượng vô biên pháp giới cứ vậy mà biến hiện ra, thế là tự tánh tánh đức không thể làm chủ. Vậy cái gì làm chủ? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước làm chủ. Đây chính là “8 thức 51 tâm sở” làm chủ trong Pháp tướng tông thường gọi, thế là liền tạo nghiệp ác. Dẫu có làm bao việc thiện thì trong Phật giáo Đại thừa vẫn xem đó như là đã tạo nghiệp ác, vì nó do 8 thức 51 tâm sở tạo nên, mà 8 thức 51 tâm sở là vọng tâm, không phải chân tâm, không phải chân tâm tạo nên vẫn tính là tạo ác. Chỉ có những thứ do chân tâm tạo ra thì mới là thiện.

Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật (của Phật Tạng giáo, Phật Thông giáo). Những điều họ tạo ra đều là ác chứ không phải thiện. Vì sao vậy? Vì họ chưa có được minh tâm kiến tánh. Họ không dùng chân tâm, chứ nếu dùng chân tâm thì mọi thứ tạo ra đã là thiện cả rồi. Cho nên nói một khi đã xuất phát từ vọng tâm thì dù điều tạo

ra là thiện cũng xem như ác. Vì chúng ta chưa kiến tánh nên mọi nghiệp thiện tạo ra đều không thoát khỏi mười pháp giới.

Cái tâm mà pháp thân Bồ tát (tức phần chứng vị Phật) trong Nhất chân pháp giới dùng là chân tâm nên mọi thứ do họ tạo tác đều là thiện. Chúng ta xem Kinh Hoa Nghiêm thấy được “Thiện tài đồng tử tham vấn 53 thiện tri thức” có đoạn nói về Bà La Môn Thắng Nhiệt, Cam Lộ Hỏa Vương, Phạt Tô Mật Đa Nữ làm là sát, đạo, dâm nhưng họ được xem là thiện. Tại sao vậy? Vì họ dùng phương tiện này để giúp chúng sanh minh tâm kiến tánh, thoát khỏi Lục đạo thập pháp giới nên đây là việc thiện. Đây là mật nghĩa của chư Phật Như Lai, chúng ta không thể thấu ngộ được mà chỉ thấy có cảm giác lạ kỳ, vì chúng ta chưa đạt đến cảnh giới đó. Đức Phật giảng những điều này vì muốn độ chúng sanh thế giới ta bà, độ chúng sanh mười pháp giới. Ngài có thể dùng phương tiện quyền xảo. Ví như lúc Thiện Tài Đồng Tử đến tham vấn tuy có lễ kính nhưng không tán thán, vì cách họ dùng là thủ đoạn bất thiện. Cách thức hay còn gọi là phương tiện bất thiện cũng có thể độ chúng sanh, đó gọi chung là ác độ. Nhưng cần phải xem xét căn tính của chúng sanh ấy thích hợp dùng phương tiện nào thì ta sẽ dùng phương tiện ấy trợ giúp. Nên Đức Phật không dùng phương pháp cố định nào vì Ngài có năng lực quán cơ mà phạm phu không không cách nào học theo. Vì sao không học được? Vì phạm phu thì chưa xa lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nếu cứ cố học theo sẽ khó tránh đọa lạc địa ngục.

Đức Phật giáo hóa chúng sinh cũng phân ra nhiều cấp bậc. Giống như trường học vậy, có cấp tiểu học, cấp trung học, cấp đại học rồi viện nghiên cứu. Mỗi một giai đoạn nhấn mạnh một phương pháp của chính giai đoạn đó. Chúng ta nên nhận thức rõ ràng, chúng ta hiện nay chỉ có thể là tiểu học. Vì sao chúng ta tu học nhiều năm vậy nhưng công phu vẫn không đắc lực? Vì chúng ta không tu học từ căn bản. Căn bản chính là mười thiện nghiệp, cũng là chương trình học Phật pháp của lớp một bậc tiểu học. Bất kể Đại thừa, Tiểu thừa, Hiền giáo hay Mật giáo đều lấy mười thiện làm nền tảng.

Điều căn bản nhất của pháp môn Tịnh độ là **“Tịnh nghiệp tam phước”**, mà trong Tịnh nghiệp tam phước thì điều đầu tiên là **“Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập thiện nghiệp.”** Chỉ có thật sự tu mười thiện nghiệp thì mới có thể thực hiện “hiếu thân, tôn sư, từ tâm, từ bi”. Nếu không có mười thiện nghiệp, thì hiếu thân, tôn sư, từ tâm chỉ toàn là giả. (Thành Hoàng huyện Lư Giang từng nói tội ác lớn nhất đời người là bất hiếu

với cha mẹ, bất kính với tổ tiên). Có đầy đủ điều kiện đầu tiên của Tam phước thì niệm Phật mới có thể sanh Phạm Thánh Đồng Cư độ; đầy đủ hai điều kiện của tam Phước thì được sanh Phương tiện Hữu Dư độ; ba điều đầy đủ viên mãn sanh Thật Báo Trang Nghiêm độ. Cho nên mức độ thấp nhất là phải làm được điều thứ nhất và đem điều thứ nhất áp dụng thực tiễn ở mười thiện nghiệp.

Người xưa đi con đường này chỉ trong thời gian mấy năm ngắn ngủi là họ đạt thành tựu. Còn ngày nay chúng ta lơ là, trong sự tu học không cẩn rể, khởi tâm động niệm đều tự tư tự lợi, được người khen ngợi thì lòng đầy vui thích, bị người mắng mỏ, lăng mạ thì lòng nổi oán hận. Cứ vậy mà niệm Phật thì công phu làm sao đắc lực?

Vậy người xưa dùng tâm thái gì để đối mặt với cảnh duyên thuận nghịch? Nghe người khen ngợi, họ e ngại tự hỏi “việc mình làm có xứng với lời khen không?”; gặp người phỉ báng, bức hại, lăng mạ, họ nghĩ “tự mình chưa tốt nên chưa làm người vừa ý”. Do đó mà tự mình phản tỉnh, sửa chữa, làm mới bản thân, tuyệt không oán hận người khác. Làm được vậy tâm mới vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, từ bi không một ý niệm ác, không một hành vi bất thiện. Chung sống với đại chúng chỉ nhớ điều tốt, điều ân đức của người, dứt khoát không có ý niệm báo oán bất thiện. Có vậy mới có thể tu học đến mức thuần thiện. Tây phương Cực lạc là cõi “các bậc thượng thiện câu hội”, nếu tâm địa không đạt đến thượng thiện thì dầu đủ tín nguyện hạnh cũng không thể vãng sanh.

Vì sao nói “pháp thân Đại Sĩ không có làm lỗi”? Vì khi đối mặt tất cả chúng sanh, tất cả vạn vật, Pháp thân Đại sĩ chỉ nhìn vào tánh, không chấp trước vào tướng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nên Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên Giác đều dạy rằng **“tất cả chúng sanh vốn sẽ thành Phật”**. Vậy hiện tại chúng sanh có phải là Phật không? Đương nhiên phải! Vì Đức Phật thấy tất cả chúng sanh đều là chư Phật Như Lai, Đức Phật từ “Phật tánh” mà nhìn. Còn phàm phu chỉ nhìn vào tướng nên chấp cái tướng này. Phật không như vậy. Đại sư Hiền Thủ có một ví dụ thế này:

- Dùng vàng làm dụng cụ, mọi dụng cụ đều là vàng, nghĩa là lấy vàng làm khí cụ đựng đồ vật, cùng một thành phần, cùng một trọng lượng làm thành tượng Phật, tượng Bồ tát, tượng Thanh Văn, tượng Duyên Giác, tượng Thiên Nhân, tượng A Tu La, tượng súc sanh, tượng Ngạ quỷ, tượng Địa

ngục. Bày tất cả tượng này ra trước mắt, Đức Phật chỉ nhìn tánh không nhìn tướng cho nên thấy hết thấy đều là vàng với giá trị như nhau, chẳng gì khác biệt. Ngược lại, phàm phu chấp tướng không thấy tánh: nên này là Phật, này là Bồ tát, còn kia là Nga quý. Cứ xem hình tượng khác nhau rồi khởi sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên cũng sinh tâm phân biệt tốt xấu. Sai lầm là đây.

Chư Phật Bồ tát giúp đỡ chúng ta, mục đích cuối cùng là dạy chúng ta nhìn vào tánh không chấp vào tướng, cứ thế tâm tự thanh tịnh, bình đẳng, không sanh một ý niệm khác biệt nào. Chúng ta hiểu được rằng tượng Phật, tượng Nga quý, tượng Địa ngục đều bình đẳng, không chút gì khác biệt. Vàng là thật, tượng là giả. Chúng ta không thích tượng này, thì có thể đem tượng này nấu lại làm tượng khác. Điều này có nghĩa là tánh vĩnh viễn không đổi, nhưng tướng sẽ đổi thay, tánh không sanh không diệt, tướng có sanh có diệt.

Chúng sanh hữu tình gọi là “Phật tánh”, chúng sanh vô tình (là tất cả chúng sanh không có tình thức) gọi là “Pháp tánh”. Phật tánh và Pháp tánh cũng chỉ là một tánh. Nên từ tánh mà thấy thì chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi đều vốn tự có. Đó gọi là tánh đức. Nếu chúng ta sa vào phân biệt, chấp trước tức là tự mình đánh mất tự tánh. Tánh đức không hiển hiện thì sanh khởi thị phi, tà chánh, thiện ác. Những thứ đó đều là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Có thể **“Bất khởi thân kiến, xả chư ác nghiệp”** (Nghĩa là: *“không khởi thân kiến, bỏ các ác nghiệp”*) thì quả vị thấp nhất tu đắc là Bồ tát Sơ tín của viên giáo Đại thừa và quả Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa. Muốn vậy phải thật nỗ lực dụng công tu học mới được. Đạt được vậy rồi mới thể hội mười thiện nghiệp quan trọng biết chừng nào! Nỗ lực tu mười thiện nghiệp thì niệm Phật mới được vãng sanh. Rồi bỏ mười thiện nghiệp rồi, bất luận tu tập pháp môn nào công phu đều không đắc lực. Như kiểu xây nhà không có nền móng vậy. Tu mười thiện nghiệp thì mới có thể bỏ đi các ác nghiệp, ác nghiệp không bỏ được thì đời đời kiếp kiếp theo nghiệp thọ báo mà luân hồi trong lục đạo. Tu thiện nghiệp sẽ được sanh vào ba đường thiện; tạo ác nghiệp sẽ rơi vào ba đường ác, tùy nghiệp luân chuyển, khổ sở đủ đường. Đây chính là chân tướng của chúng sanh nơi lục đạo.

Thứ chín: “Trụ vô ngại kiến” (nghĩa là an trụ trong sự hiểu biết không có chướng ngại). “Kiến” là kiến giải. Câu này nghĩa là những kiến giải đối với pháp thể xuất thế gian đều thông đạt vô ngại. Đại sư Thanh Lương trong Hoa Nghiêm Sớ Sao có nói 4 loại vô ngại, bao gồm “*lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại*”. Bốn loại vô ngại này vốn có sẵn trong tự tánh chúng ta. Thế nhưng ngày nay, kiến giải tư tưởng của chúng ta lại vướng đầy chướng ngại. Vậy chướng ngại từ đâu ra? Từ mười ác nghiệp mà ra, rồi từ đó sanh đủ thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên làm tánh đức không thể hiện tiền. Trùng trùng quả báo “bất tư nghị” mà Kinh văn thuyết giảng ở trên, đều thuộc về đức năng vốn có trong tự tánh của chúng ta. Chỉ cần xa lìa mười ác, tánh đức ắt tự phục hồi, còn phục hồi đến mức độ nào là tùy thuộc vào công phu mỗi người.

Người có trí huệ phước đức, thì nhất định hiểu được “xa lìa tất cả ác, tu tất cả thiện”. “Tất cả” chính là cương lĩnh mười điều ở Kinh này. Triển khai mười ác thì vô lượng vô biên tội nghiệp, triển khai mười thiện thì được vô lượng vô biên thiện phước. Học Phật bắt đầu chính là bắt đầu từ đây. Hy vọng ngay từ đời này chúng ta sẽ tu học đến độ thuần thiện.

Nho giáo có câu “*Cách vật, trí tri, thành ý, chánh tâm, tu thân, tề gia*”.

Phật giáo lại có dạy “*Hiếu thân, tôn sư, tu thập thiện nghiệp đạo*”.

So sánh lời dạy này của bậc đại Thánh, đại Hiền thể xuất thế gian rõ ràng là “anh hùng sở kiến đại lược tương đồng” Nghĩa là: “*sự hiểu biết của anh hùng đại thể đều giống nhau*” đáng để chúng ta tin tưởng sâu. Đã thực tin tưởng thì phải nỗ lực học tập, triệt để sửa đổi những hành vi tập khí bất thiện đã phạm phải trước kia. Phạm phu không dễ thấy được cái sai của mình, mà ngược lại toàn thấy cái lỗi ở người. Cho nên cổ đức dạy ta rằng, thấy người sai phạm thì tự khắc hồi đầu kiểm điểm xem bản thân có làm lạc giống vậy không? Mà phạm phu thì đâu thấy lỗi của mình để sửa đổi. Đó cũng là nguyên nhân chung của đa số người tu hành công phu không đắc lực. Quan sát người rồi liền tự mình kiểm điểm, ấy mới là trí huệ; lấy lỗi người ngầm ngầm giữ trong lòng thì tội chồng thêm tội, ấy chính là sai lầm.

Thêm nữa, đọc sách Thánh Hiền cũng giúp mình dễ thấy sự làm lạc của bản thân. Đại sư Ấn Quang khuyên chúng ta đọc Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, Liễu Phàm Tứ Huấn, An Sĩ Toàn Thư. Đọc những Kinh văn này và

đối chiếu tâm hạnh của mình thật kỹ, ý niệm nào là thiện, hành vi nào là ác, rồi thiện tâm thiện hạnh thì gìn giữ, ác niệm ác hạnh phải sửa đổi. Lại phải đọc Kinh giáo Đại thừa nhiều rồi thì kiến giải tư tưởng của ta dần sẽ gần với Đức Phật.

Tư tưởng, kiến giải của Phật, của Bồ tát là chánh tri, chánh kiến; còn cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta chắc chắn là chưa đúng rồi. Tâm của các vị ấy thì thanh tịnh, có thể biết quá khứ, hiện tại, vị lai mà tâm tư chúng ta chắc chắn còn nhiều mê muội, quên hết chuyện đời trước, thỉnh thoảng hiện hành trong giấc mơ là cùng. Cảnh giới trong mộng phần nhiều là chủng tử của A Lại Da Thức hiện hành. Những chủng tử này vốn đã có ở kiếp trước, nên cứ quan sát kỹ giấc mơ thế nào cũng ngấm được chút ít cái nghiệp đã tạo. Đến khi tâm tu được thanh tịnh sẽ có thể nhớ được chuyện đời đời kiếp kiếp đã qua. Người bình thường trên thế gian khi tâm tương đối thanh tịnh, thì có thể nhớ lại tuổi thơ, còn nếu thanh tịnh hơn nữa sẽ nhớ được quá khứ một đời, hai đời. Ngày nay chúng ta gọi hiện tượng này là “năng lực đặc biệt” hay theo cách nói thông thường là “thần thông”.

Thần thông có được là nhờ thiên định. Định công của đức Phật thâm sâu, thiên định viên mãn nên Ngài biết hết việc trong vô lượng kiếp trước; mà theo cách nói ngày nay là Ngài có kinh nghiệm phong phú hơn chúng ta. Mà thật! Vài mươi năm học tập ngắn ngủi của chúng ta thì không thể tin được. Đó là sự thật! Đặc biệt là xã hội ngày nay mà theo Kinh Lăng Nghiêm là “***tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng***”. Những điều chúng ta tiếp xúc đều là tà tri tà kiến, người người sai lầm, chúng ta cũng sai theo, mà đều tự cho là đúng. Đó gọi là “sai lâu thành đúng”.

Vậy đâu là chuẩn mực của thị phi thiện ác? Với tâm hạnh của các bậc thánh hiền, người thực sự giác ngộ thì tư tưởng, lời nói, hành vi của họ đều là chuẩn mực cả. Cho nên người học Phật cứ lấy tâm hạnh của Đức Phật Thích Ca làm tiêu chuẩn tuyệt đối. Trong pháp thế gian, người Trung Quốc tôn sùng tâm hạnh Đức Khổng Tử, lấy đó làm tiêu chuẩn, mà tâm hạnh của Khổng Tử chính là những điều được ghi chép trong Luận ngữ. Chu Hy đời Tống đã biên tập lại thành bộ Tứ Thư. Người Trung Quốc xem Tứ Thư là tiêu chuẩn của thị phi thiện ác, của giá trị quan, nhân sinh quan. Đó là tinh thần của dân tộc Trung Hoa. Tiếc là người đời nay lại vứt bỏ giá trị quan mấy nghìn năm của dân tộc, chạy theo tà tri tà kiến trước mắt, nên thế gian mới động loạn, gặp thiên tai nhân họa. Vậy làm sao mới có thể tiêu trừ tai nạn?

Phải bắt đầu từ tâm. Tâm mình phải thay đổi, phải giác ngộ, phải chuyển tà thành chánh; không thuận theo tập khí phiền não bản thân, không chạy theo giá trị quan đời sống trần tục, quay đầu quy thuận giáo huấn thánh hiền. Khi ấy nạn tai ắt tự hóa giải, chúng ta liền được chánh tri, chánh kiến, vạn điều vạn sự đều thông đạt vô ngại.

Thứ mười: “Bất đoạ chư nạn. Thị vi thập” (nghĩa là không rơi vào các hoạn nạn, đó là mười).

Trong câu này có hai trường hợp.

Thứ nhất là, khi chúng sanh tạo ác nghiệp thì sẽ tự chiêu cảm thiên tai nhân họa, vậy những người giác ngộ có phải cùng chịu nạn tai không? Đã là cộng nghiệp chiêu cảm thì nhất định phải cùng nhau nhận lãnh nhưng chắc chắn người giác ngộ sẽ không bị đoạ lạc. Vì sao vậy? Vì tâm họ thanh tịnh, lương thiện nên trong cuộc đại nạn tự ắt được thăng Thiên mà không rơi vào đoạ lạc. Người học Phật mà được như Kinh A Di Đà có nói “đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên” gặp được pháp môn Tịnh độ thì chắc chắn được vãng sanh thế giới Cực Lạc thành Phật, cho nên nói “*bất đoạ chư nạn*” (là không rơi vào các hoạn nạn) là vậy.

Trường hợp thứ hai là trong cuộc đại nạn, người giác ngộ có thể không bị ảnh hưởng. May mắn thoát được đại nạn.

Không có nguyên nhân nào khác ngoài hai thứ đó: một là thiện căn phước đức sâu dày kiếp trước để lại, đời này tuy tạo một vài việc ác, nhưng do phước đức sâu dày nên có thể tránh được. Hai là trong đời này gặp thiện tri thức, thọ được giáo huấn của thiện tri thức, đoạn ác tu thiện, nên cũng có thể tránh được. Những đạo lý và chân tướng sự thật này được ghi lại rất nhiều, rất tỉ mỉ trong sách Cảm Ứng Thiên, Âm Chất Văn và Liễu Phàm Tứ Huấn.

Quả thiện chắc chắn phải từ nhân thiện mà có, tạo tác ác nghiệp mà mong cầu quả thiện thì đúng là “*vô hữu thị xứ*” (nghĩa là “làm gì có đạo lý này”). Tương tự vậy, tạo nhân thiện nhưng nhận ác quả thì cũng là “*vô hữu thị xứ*”. Tiếc rằng thế gian lại thường thấy có những người cả đời hành thiện, cuối cùng cái có được lại là ác báo, còn kẻ tạo ác lại hưởng thụ đủ điều; hình như nhân quả báo ứng không đúng? Vậy là người ta hoài nghi, người ta

không chấp nhận. Nếu vậy thì cái nhìn đó thật quá nông cạn. Nên nhớ Phật dạy “nhân quả thông ba đời”. Hiện tại kẻ làm ác vẫn có thể được phước báo là do trong đời quá khứ dày công tu nhân tích đức. Đời này tuy làm ác, phước báo dần dần hao tổn ít nhiều nhưng vẫn còn, chưa hao hết nên mới có thể hưởng phước. Cả đời tích thiện còn nhận quả khổ thì tức là ác nghiệp tiền kiếp đã tạo quá nhiều, vẫn chưa đoạn tuyệt nên phải thọ lãnh ác báo. Hiểu được điều này rồi cứ không ngừng hành thiện thế nào đời sau cũng có phước báo lớn.

Kinh Phật dạy: **“Vạn pháp giai không, nhân quả bất không”**. Nhân quả chuyển biến bất không, tương tục bất không, tuần hoàn bất không. Hiểu được “thiện ác nhất định có quả báo” chắc chắn chúng ta sẽ không tạo ác. Bất kể gặp gian nan, khốn khổ cũng không khởi ác niệm, đời sau có phước báo lớn. Chúng ta nên hiểu rằng kiếp này ngắn ngủi, lai sinh dài lâu, người hiểu biết thì phải biết nhìn xa trông rộng. Đây không phải là cách nghĩ tiêu cực. Chẳng những đời sau có thể trở thành người được nhiều phước báo mà ngay đời này khi tuổi về già cũng có thiện phước hiện tiền. Đây chính là “hoa báo” mà nhà Phật thường nói, nghĩa là chúng ta đã dày công tu nhân tích đức nên không cần đợi đến kiếp sau, ngay trong đời này phước báo đã hiện tiền. Có được “hoa báo” thù thắng chính là cái quả mà chúng ta ngầm nghĩ sẽ hiểu ra được. Cho nên, “phước” chắc chắn là nhờ tu tập tích lũy thiện tâm, thiện hạnh mà có. Phải tin! không có nghi ngờ gì cả.

“Nhược năng hồi hướng A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề giả, hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông” (Nghĩa là: Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau khi thành Phật, thì sớm đạt được pháp của tất cả Đức Phật, thành tựu thần thông tự tại).

Đây là lời tổng kết. Trong đó, **“A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề”** là tiếng Phạn. Vì tôn trọng bản gốc nên chỉ dịch âm, còn toàn câu này nghĩa là “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. “A” là vô, “Nậu Đa La” là thượng, “Tam” là chánh, “Miệu” là đẳng, “Bồ Đề” là giác. Chúng ta là học Phật, mục tiêu cuối cùng chính là câu “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Trong câu này có ba thứ bậc là “Chánh giác”, “Chánh đẳng Chánh giác và Vô thượng Chánh đẳng, Chánh giác.”

Chánh giác chính là tiểu thừa A La Hán, Bích Chi Phật. Đức Phật nói rằng, khắp chốn thế gian này có rất nhiều người thông minh. Họ tương đối giác ngộ đạo lý nhân sinh vũ trụ nhưng vẫn chưa thể gọi là “chánh”. Trong Phật pháp, tiêu chuẩn của “chánh” là phá được chấp ngã mà theo cách nói của Kinh Kim Cang là phải đạt đến mức “vô ngã tướng” thì mới có thể được xem là “chánh giác”.

Ngày nay có khá nhiều nhà khoa học, nhà triết học, nhà tôn giáo đều có thể xem là “giác”, nhưng chưa thể gọi là “chánh giác” vì họ có ngã tướng. Ngã tướng cũng thuộc về chấp ngã, đó chính là chấp trước. Chấp trước nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức là đã phân biệt, vọng tưởng. Cho nên phá bốn tướng này phân thành ba giai đoạn. Đoạn được chấp trước gọi là “chánh giác”; đoạn được phân biệt, nhưng vọng tưởng vẫn còn thì giai đoạn này gọi là “Chánh đẳng Chánh giác”. “Đẳng” là ngang bằng với Phật nhưng không phải Phật. Phải đoạn tận phân biệt, vọng tưởng mới gọi là “Vô thượng, Chánh đẳng, Chánh giác”. Cho nên Vô thượng chánh đẳng, chánh giác chỉ có Phật quả của viên giáo. Bồ Tát đẳng giác trở xuống đều thuộc về Chánh đẳng Chánh giác.

Ngôi vị thấp nhất của Chánh đẳng Chánh giác là Bồ Tát sơ trụ của Viên giáo. Vì vậy Tứ Thánh pháp giới đều thuộc chánh giác, nhưng thứ bậc của họ cũng có sự khác biệt cao thấp. Tứ Thánh pháp giới là A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật (Phật này trong Tông Thiên Thai gọi là Phật Tạng giáo và Phật Thông giáo). Tứ Thánh này đều thuộc về Chánh giác. Nếu theo Phán giáo của Đại sư Thiên Thai trong “Lục tức Phật”, thì Tứ Thánh pháp giới trong Tạng giáo, Thông giáo là “Tương tự tức Phật”.

Phá một phẩm vô minh thì chứng nhất phần pháp thân, sẽ thoát khỏi mười pháp giới mà vào Nhất chân pháp giới, lúc này mới là “Phần chứng tức Phật” và được gọi là “Chánh đẳng Chánh giác”, chính là pháp thân Bồ Tát.

Mục tiêu của chúng ta học Phật là cầu được giác ngộ, cứu cánh triệt để viên mãn đối với vũ trụ nhân sanh, là đắc “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Làm sao mới được như vậy? Phải đoạn tuyệt việc ác, tu hành điều thiện. Tất cả việc thiện, ác trên đời được Đức Phật tổng hợp lại thành 20 điều: mười thiện và trái với mười thiện là mười ác; lìa mười ác chính là mười thiện. Vì thế nên biết thực chất thiện – ác chỉ là một, chỉ là sự khác biệt giữa mê – ngộ mà thôi.

“Hồi hướng” là đem công đức tu học của mình chia sẻ với tất cả chúng sanh, bản thân không tham luyện gìn giữ. Nhưng giả sử đã hồi hướng cho tất cả chúng sanh chung hưởng, nhưng vẫn còn đôi chút ý niệm “ta và tất cả chúng sanh chung hưởng” thì thực chất vẫn chưa hoàn toàn buông bỏ được cái “ngã”, vẫn còn chấp “ngã”. Công đức chúng ta chia sẻ với chúng sanh chung hưởng nhưng trong đó không có “ngã” thì mới có thể đi trên đường Bồ đề.

“Hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết Phật pháp” (là sau khi thành Phật, thì sớm đạt được pháp của tất cả Đức Phật. “Phật” nghĩa là giác ngộ đối với tất cả pháp, “giác” mà không mê, không gì mà không biết, không gì mà không thể”. Còn “Pháp” là tất cả pháp.

“Thành tựu tự tại thần thông”, ở đây là đức dụng (*xin nhắc lại: đạo là pháp tắc đại tự nhiên, đức là thực hành theo pháp tắc đại tự nhiên, đức dụng có nghĩa là tác dụng của đức, tức là khi thực hành theo pháp tắc đại tự nhiên thì tác dụng của nó là được thần thông tự tại*) Đối với tất cả pháp thế gian, xuất thế gian, đều có thể giác mà không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, đạt được đại tự tại. Đây là tự thọ dụng, mà tự thọ dụng là tự tại; còn tha thọ dụng là thần thông, tức là có năng lực giáo hóa tất cả chúng sanh. (*tự thọ dụng là lợi ích cho mình, tha thọ dụng là lợi ích cho người*)

Vì thế, xa lìa tà kiến không những được thành tựu mười pháp công đức thù thắng, nếu có thể đem công đức hồi hướng vô thượng Bồ đề, thì có thể sớm chứng được pháp của tất cả Đức Phật, được đại tự tại, giáo hóa tất cả chúng sanh.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
vâng làm các việc lành,
tự thanh tịnh tâm ý,
đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!